

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 65/2022/HS-ST
Ngày 02-8-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thơm

Ông Cao Sơn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022, đối với:

- Các bị cáo:

1. Lộc Văn T, sinh ngày 03-01-1986 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Viết H và bà Trần Thị N; có vợ là Lương Thị N và có 02 con, sinh năm 2005 và 2007; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-01-2022 đến nay; có mặt.

2. Lô Văn T, sinh ngày 04-9-1992 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình G (tên gọi khác: Hoàng Văn T) và bà Lô Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: có 01 tiền sự do bị cáo chưa nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vận chuyển pháo nổ trái phép theo Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 15-02-2015, Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 32/2013/HS-ST ngày 23-5-2013, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù về tội Cường đoạt tài sản (đã được xóa án

tích), chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-01-2022 đến nay; có mặt.

3. Hứa Văn H, sinh ngày 17-8-1989 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Quang S và bà Đàm Thị T; có vợ là Hoàng Thị D và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-01-2022 đến nay; có mặt.

4. Đỗ Vũ T, sinh ngày 12-01-1989 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Vũ Đ và bà Đỗ Thị H; có vợ là Cao Vĩnh Khánh V (đã ly hôn) và có 02 con sinh năm 2013 và 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 204/2011/HSST ngày 31-3-2011 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù về tội Giao cấu với trẻ em (đã được xóa án tích); chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-01-2022 đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Văn N, sinh ngày 16-02-1989 tại huyện M, Thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Ngô Thị H; có vợ là Đặng Thị A và có 02 con sinh năm 2016 và 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-01-2022 đến nay; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Lộc Văn T:* Bà Hoàng Thị N, Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lô Văn T:* Bà Lê Thị L, Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1966; trú tại: Thôn P, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Chị Đặng Thị A, sinh năm 1993; trú tại: Đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ ngày 09-01-2022, tại Km 10+500 Quốc lộ 1A địa phận thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; lực lượng chức năng Công an tỉnh Lạng Sơn phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 30G-426.** và xe ô tô biển kiểm soát 30F-901.** đang di chuyển theo hướng Đ1 - Hà Nội có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu dừng xe, kiểm tra, kết quả: Đỗ Vũ T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 30G-426.** chở 01 người quốc tịch Trung Quốc tên là Trần Thẩm K; Nguyễn Văn N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 30F-901.** chở 02 người quốc tịch Trung Quốc là Trần Kiện H và Dương Tụy T; cả 03 người quốc tịch Trung Quốc nói trên đều không có giấy tờ nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đỗ Vũ T và Nguyễn Văn N. Ngày 10 và ngày 14-01-2022, các bị cáo Lô Văn T, Hứa Văn H, Lộc Văn T lần lượt ra đầu thú.

Quá trình điều tra xác định được:

Năm 2019, Lộc Văn T sang Trung Quốc làm thuê và có quen vợ chồng người Trung Quốc (không rõ họ tên, địa chỉ) tên thường gọi là A B. Cả hai kết bạn qua wechat và thường liên lạc với nhau.

Ngày 06-01-2022, vợ của A B gọi điện thuê Lộc Văn T ngày 08-01-2022 đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với tiền công là 20.000.000 đồng/người khách.

Sáng ngày 08-01-2022, Lộc Văn T rủ Lô Văn T và Hứa Văn H cùng lên mốc 1067 để đón người nhập cảnh trái phép. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Lộc Văn T, Lô Văn T và Hứa Văn H cùng đi đến chợ N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tại đây có một người đàn ông Trung Quốc giao cho Lộc Văn T 03 người Trung Quốc có nhu cầu nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Cả 03 bị cáo dẫn 03 khách Trung Quốc về ngôi nhà bỏ hoang của gia đình Lô Văn T ở thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và phân công Hứa Văn H ở lại trông 03 khách để chờ xe đến đón, còn Lộc Văn T và Lô Văn T đi về nhà. Sau đó có người phụ nữ liên lạc với Lộc Văn T qua wechat để thống nhất thời gian và địa điểm giao khách đồng thời cho Lộc Văn T số điện thoại 0345.739.*** và 0375.045.*** để Lộc Văn T chủ động liên lạc giao khách.

Đến 18 giờ ngày 09-01-2022, Lộc Văn T và Lô Văn T mỗi người điều khiển 01 xe mô tô vào đón khách đến điểm hẹn tại chân dốc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trên đường đi Hứa Văn H xuống xe về nhà trước; khi đi gần đến chốt kiểm soát của Biên phòng tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Lộc Văn T bảo Lô Văn T dẫn 03 người khách đi bộ theo đường đồi để tránh sự phát hiện của Biên phòng, còn Lộc Văn T đứng đợi và gọi cho số điện thoại 0345.739.*** để thông báo khách đã đến điểm hẹn.

Khoảng 17 giờ ngày 08-01-2022, Đỗ Vũ T nhận được điện thoại từ số 0345.739.*** báo bố trí 02 xe ô tô đi đến thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để đón 03 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa về Hà Nội, tiền công là

6.000.000 đồng. Đỗ Vũ T gọi điện rủ Nguyễn Văn N cùng đi nhưng do khách chưa đến nên cả hai thuê phòng nghỉ tại thị trấn Đ1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 15 giờ ngày 09-01-2022, người có số điện thoại 0345.739.*** gọi điện cho Đỗ Vũ T và chỉ dẫn đường đi đến điểm hẹn để đón khách. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn N sử dụng xe ô tô của mình chở Đỗ Vũ T đến điểm hẹn và đón được 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép; khi xe đi qua thị trấn Đ1 thì dừng lại để Đỗ Vũ T xuống lấy xe; sau đó Nguyễn Văn N chuyển 01 khách từ xe của mình sang xe của Đỗ Vũ T rồi cả hai cùng điều khiển về Hà Nội. Khi đến địa phận thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu ở trên.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T, Hứa Văn H, Đỗ Vũ T, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Cáo trạng số 71/CT-VKSLS-P2 ngày 27-6-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T, Hứa Văn H, Đỗ Vũ T, Nguyễn Văn N về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin tòa giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T xin được miễn nộp tiền án phí. Bị cáo Đỗ Vũ T đề nghị trả lại điện thoại Iphone vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Chị Đặng Thị A trình bày: Xe ô tô biển kiểm soát 30F-901.** mà chồng chị (bị cáo Nguyễn Văn N) sử dụng chở người nhập cảnh trái phép là tài chung của vợ chồng. Nguồn gốc tiền mua xe là do vợ chồng chị tích góp và được bố mẹ chồng cho vay. Chị không biết chồng mình sử dụng xe vào việc phạm tội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chị chiếc xe nói trên. Hiện nay, bố mẹ chồng đều đã quá tuổi lao động và bệnh tật, các con còn nhỏ, bản thân chị chưa có thu nhập ổn định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn N.

Ông Nguyễn Xuân H trình bày: Do Nguyễn Văn N đi lái xe thuê nên thường xuyên vắng nhà. Vì vậy, vợ chồng ông đã bàn và quyết định cho vợ chồng Nguyễn Văn N vay tiền mua xe ô tô để vừa có thu nhập vừa có thời gian cho gia đình. Việc Nguyễn Văn N sử dụng xe ô tô vào việc phạm tội, gia đình ông không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Tổ chức cho 03 người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Vì vậy, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Bị cáo Lộc Văn T là người có vai trò chính, bị cáo Lô Văn T và Hứa Văn H là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Lộc Văn T; bị cáo Đỗ Vũ T và Nguyễn Văn N có vai trò thấp hơn trong đó Nguyễn Văn N là người có vai trò thấp nhất trong vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T, Hứa Văn H, Đỗ Vũ T, Nguyễn Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Lộc Văn T từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, xử phạt bị cáo Lô Văn T và bị cáo Hứa Văn H mỗi bị cáo từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, xử phạt bị cáo Đỗ Vũ T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Do các bị cáo chưa nhận được tiền công nên không có căn cứ truy thu tiền do phạm tội mà có.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước đối với những chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và trả lại bị cáo điện thoại di động, giấy tờ tùy thân do không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30G-901.** mà bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng chở khách nhập cảnh trái phép là tài sản chung thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn N và chị Đặng Thị A, việc bị cáo sử dụng xe để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép chị Đặng Thị A không biết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước 50% giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Đặng Thị A 50% giá trị chiếc xe.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Buộc các bị cáo Hứa Văn H, Đỗ Vũ T, Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lộc Văn T: Nhất trí với quan điểm truy tố và điều luật đề nghị áp dụng đối với bị cáo; không nhất trí với việc Viện Kiểm sát xác định bị cáo Lộc Văn T là chủ mưu, có vai trò chính trong vụ án vì: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ; bị cáo Lộc Văn T là người có trình độ văn hóa thấp, dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn; bị cáo nhất thời phạm tội và đã ăn năn hối cải về hành vi của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lộc Văn T từ 12 tháng 18 tháng tù và miễn án phí cho bị cáo.

Luật sư Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã gửi bản luận cứ với nội dung: Nhất trí với quan điểm truy tố và điều luật đề nghị áp dụng đối với bị cáo Lô Văn T. Bị cáo bị người khác rủ rê phạm tội và đã ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt và miễn án phí cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Lô Văn T nhưng đã gửi bản luận cứ và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ để xác định: Vì mục đích vụ lợi, nên ngày 08 và ngày 09-01-2022, các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn Thủy, Hứa Văn H đã đón 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép rồi giao cho bị cáo Đỗ Vũ T và bị cáo Nguyễn Văn N chở về Hà Nội nhưng trên đường di chuyển thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T, Hứa Văn H, Đỗ Vũ T, Nguyễn Văn N là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương, nhất là khu vực biên giới. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do từng bị cáo gây ra.

[6] Về vai trò: Bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T và Hứa Văn H, là người đón và đưa những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ biên giới đến địa phận thôn Nà Cà, xã T, huyện V rồi giao cho Đỗ Vũ T và Nguyễn Văn N để tiếp tục đưa dẫn sâu vào lãnh thổ Việt Nam. Bị cáo Lộc Văn T là người trực tiếp liên lạc với đối tượng người Trung Quốc và người đàn ông sử dụng số điện thoại 0345.739.*** để thống nhất việc giao nhận khách; chủ động rủ Lô Văn T, Hứa Văn H cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Đỗ Vũ T là người liên lạc với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0345.739.*** để thống nhất việc đón khách và rủ Nguyễn Văn N cùng thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử

đánh giá bị cáo Lộc Văn T có vai trò cao nhất; bị cáo Lô Văn T, bị cáo Hứa Văn H có vai trò ngang nhau và là đồng phạm tích cực cùng Lộc Văn T thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Đỗ Vũ T và bị cáo Nguyễn Văn đều là lái xe dịch vụ chở khách, có vai trò thấp hơn và chỉ đến khi phải thuê phòng nghỉ để chờ đón khách, bị cáo Nguyễn Văn N mới biết những người khách mà bị cáo nhận trở là người nhập cảnh trái phép nên bị cáo Nguyễn Văn N có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Lộc Văn T, Hứa Văn H, Nguyễn Văn N là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo Đỗ Vũ T đã bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Giao cấu với trẻ em theo Bản án hình sự sơ thẩm số 204/2011/HS-ST ngày 31-3-2011, mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt. Bị cáo Lô Văn T là người có nhân thân xấu vì bị cáo chưa thi hành Quyết định xử phạt hành chính số 13/QĐ-XPVPHC ngày 15-02-2015 của Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về hành vi Vận chuyển pháo nổ trái phép và còn bị Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2013/HSST ngày 23-5-2012.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Cả 05 bị cáo trong vụ án đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T, Hứa Văn H, Đỗ Vũ T và Nguyễn Văn N đều thành khẩn khai báo và tỏ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi biết Đỗ Vũ T và Nguyễn Văn N bị bắt, các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T, Hứa Văn H đã ra đầu thú; bị cáo Lộc Văn T và bị cáo Lô Văn T đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý; bị cáo Lô Văn T có bố đẻ là ông Hoàng Đình G là thương binh; bị cáo Đỗ Vũ T có ông nội là ông Đỗ Vũ T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Nguyễn Văn N là lao động chính trong gia đình và có bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Xuân H là cựu chiến binh được tặng Kỷ niệm chương. Vì vậy, cả 05 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giáo dục, cải tạo các bị cáo sớm trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[11] Về biện pháp tư pháp: Các bị cáo đều chưa nhận được tiền công nên không có cơ sở để truy thu tiền do phạm tội mà có.

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, nhất thời phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Đối với vật chứng mà Cơ quan điều tra đã trả chủ sở hữu, người quản lý sử dụng hợp pháp trước khi vụ án được đưa ra xét xử, Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến.

[14] Đối với 08 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chiếc điện thoại di động Iphone thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N và điện thoại di động Masstel thu giữ của bị cáo Lộc Văn T không liên quan đến việc phạm tội; chiếc điện thoại di động Iphone thu giữ của bị cáo Đỗ Vũ T có liên lạc với số điện thoại 0345.739.*** và bị cáo Nguyễn Văn N. Vì vậy, có căn cứ trả lại bị cáo Nguyễn Văn N 01 điện thoại Iphone, trả bị cáo Lộc Văn T 01 điện thoại Masstel và tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 06 chiếc điện thoại di động còn lại. Đối với những giấy tờ tùy thân do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại các bị cáo.

[15] Đối với chiếc xe ô tô Mitsubishi biển kiểm soát 30G - 901.** là tài sản được tạo dựng hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, có căn cứ để xác định xe ô tô biển kiểm soát 30G - 901.** là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Văn N và chị Đặng Thị A. Vì là tài sản chung của vợ chồng nên vợ chồng đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung đó. Do chị Đặng Thị A không biết việc chồng mình sử dụng xe ô tô để chở người nhập cảnh trái phép. Vì vậy, cần tịch thu hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước 50% giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Đặng Thị A 50% giá trị chiếc xe sau khi hóa giá.

[16] Đối với 03 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép gồm Trần Thắm K, Trần Kiện H, Dương Tuy T đã được Công an tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính.

[17] Đối với người phụ nữ Trung Quốc thuê Lộc Văn T đón người nhập cảnh trái phép và người đàn ông Trung Quốc giao 03 người nhập cảnh trái phép cho Lộc Văn T: Do bị cáo Lộc Văn T chỉ kết bạn wechat, không biết thông tin cụ thể về người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[18] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0345.739.*** mà các bị cáo khai đã liên lạc với bị cáo Lộc Văn T và Đỗ Vũ T để giao nhận và thuê chở người nhập cảnh trái phép: Qua xác minh, chủ thuê bao của số điện thoại nói trên là chị Trịnh Thị H, địa chỉ tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Kết quả lấy lời khai, chị Trịnh Thị H khai nhận không được sử dụng số điện thoại nói trên và không được cho ai mượn chứng minh thư nhân dân để đăng ký số điện thoại trên. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định chị Trịnh Thị H có liên quan đến vụ án.

[19] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và người bào chữa cho các bị cáo, ý kiến nào phù hợp với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận; ý kiến nào không phù hợp với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[20] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; sung Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo Lộc Văn T, bị cáo Lô Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt

khó khăn và có đề nghị xin được miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lộc Văn T và Lô Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lộc Văn T, Lô Văn T, Hứa Văn H, Đỗ Vũ T, Nguyễn Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lộc Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 14-01-2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Lô Văn T 02 (hai) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 10-01-2022.

2.3. Xử phạt bị cáo Hứa Văn H 02 (hai) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 10-01-2022.

2.4. Xử phạt bị cáo Đỗ Vũ T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 10-01-2022.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 10-01-2022.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI1: 864182040450497, IMEI2: 864182040450489, bên trong lắp 02 sim điện thoại và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 353047091322804, bên trong lắp 01 sim điện thoại; thu giữ của bị cáo Đỗ Vũ T.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xám đã qua sử dụng, số IMEI1: 357105103106833/01, IMEI2: 357106103106831/01, bên trong lắp 01 sim điện thoại; thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI: 868125043640370, (bị nứt màn hình, không khởi động được máy, không kiểm tra được số IMEI), bên trong lắp 01 sim điện thoại; thu giữ của bị cáo Lô Văn T.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, cũ, đã qua sử dụng, số Imei 1: 863311046683675, IMEI 2: 863311046683667 (kiểm tra bằng cách ấn *#06#), bên trong lắp 01 sim điện thoại; thu giữ của bị cáo Hứa Văn H.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, cũ, đã qua sử dụng, Imei 1: 866269040150892, IMEI 2: 866269040150884 (kiểm tra bằng cách ấn *#06#), bên trong lắp 02 sim điện thoại; thu giữ của bị cáo Lộc Văn T.

- 50% giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, loại xe: ô tô con, số loại XPANDER, màu sơn: trắng, mang BKS: 30G – 901.**; Số máy: 4A91GY9625; số khung: MK2XNNC1WKN008491; dung tích xi lanh: 1499; số chỗ ngồi: 07; năm sản xuất: 2019 xe cũ đã qua sử dụng (không thu giữ đồ vật, tài sản gì trong xe); thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N.

3.2. Trả các bị cáo:

- Trả bị cáo Lộc Văn T 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh đen, số IMEI: 355634046690456 (kiểm tra bằng cách ấn *#06#), bên trong lắp 01 sim điện thoại mạng Viettel.

- Trả bị cáo Đỗ Vũ T: 01 (Một) căn cước công dân số 033089002604 mang tên Đỗ Vũ T cấp ngày 09/6/2017; nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - BCA.

- Trả bị cáo Nguyễn Văn N: 01 (một) căn cước công dân số 001089020220 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 01/3/2018; nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu bạc đã qua sử dụng, số IMEI: 353298070164077, bên trong lắp 01 sim Viettel.

3.3. Trả chị Đặng Thị A 50% giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, loại xe: ô tô con, số loại SPANDER, màu sơn: trắng, mang BKS: 30G - 901.32; Số máy: 4A91GY9625; số khung: MK2XNNC1WKN008491; dung tích xi lanh: 1499; số chỗ ngồi: 07; năm sản xuất: 2019 xe cũ đã qua sử dụng (không thu giữ đồ vật, tài sản gì trong xe), sau khi hóa giá.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 7 năm 2022).

4. Về án phí:

Các bị cáo Hứa Văn H, Đỗ Vũ T, Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Lộc Văn Thủy, Lô Văn T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm;

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo; người có QLNVLQ;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy

